

LTS: RABINDRANATH TAGORE (1861-1941), NHÀ VIẾT KỊCH, NHÀ THƠ, NHẠC SỸ, TIỂU THUYẾT GIA, NHÀ GIÁO DỤC, TRIẾT GIA VÀ NHÀ NHÂN VĂN HỌC KIỆT XUẤT VÀ TÀI HOA NGƯỜI ẤN ĐỘ. ÔNG LÀ NGƯỜI CHÂU Á ĐẦU TIÊN ĐƯỢC NHẬN GIẢI THƯỞNG NOBEL VỀ VĂN CHƯƠNG NĂM 1913. TRUYỆN NGẮN VÀ TIỂU THUYẾT CỦA ÔNG GIỮ MỘT VỊ TRÍ QUAN TRỌNG TRONG NỀN VĂN HỌC BENGAL. ÔNG LÀ NHÀ THƠ DUY NHẤT ĐÃ SÁNG TÁC QUỐC CA CHO CẢ HAI NƯỚC: BÀI AMR SHONAR BANGLA CHO BANGLADESH VÀ JANA GANA MANA CHO ẤN ĐỘ.

NĂM 2011, CẢ THẾ GIỚI KỶ NIỆM 150 NĂM NGÀY SINH CỦA TAGORE. BẢN TIN ĐHQGHN XIN GIỚI THIỆU TỚI BẠN ĐỌC BÀI VIẾT VỀ ÔNG ĐƯỢC ĐĂNG TRÊN INDIA TODAY.

TAGORE, GITANJALI VÀ GIẢI THƯỞNG NOBEL

NILANJAN BANERJEE (*)

Tagore cảm thấy “tình hoài hương đối với thế giới rộng lớn này”. Hơn nữa, lúc nào ông cũng luôn gắng gỏi để vượt qua rào cản ngôn ngữ. Ông cho rằng giải thưởng Nobel do Viện Hàn Lâm Thụy Điển trao tặng “đã khiến xa thành gán, khiến người lạ trở thành anh em.”

Trong một bức thư gửi E.J. Thompson năm 1916, Rabindranath Tagore viết: “Tôi cảm nhận thấy tình hoài hương đối với thế giới rộng lớn này.” Vài năm trước khi qua đời, ông đã phê phán thơ ca của mình vì không có tính phổ quát về mặt diễn đạt, trong khi cho rằng tranh của ông phần nào đã vượt qua được rào cản ngôn ngữ. Có thể nói Tagore, người luôn tìm kiếm sự hòa hợp của vạn hữu, sẽ không thỏa mãn với việc tự giới hạn mình trong một nhóm độc giả

ở một nước Bengal thuộc địa không bị chia cắt, nơi ông sinh ra và được nuôi dưỡng vào nửa cuối thế kỷ 19. Rabindranath Tagore, người dịch vở kịch “Macbeth” của Shakespeare năm 13 tuổi, hóa ra là một nhà văn viết nhiều bằng hai ngôn ngữ trong thời đại của mình – người thích dịch tác phẩm của mình sang tiếng Anh.

Tháng 6 năm 1912, Tagore mong muốn chia sẻ bản dịch tiếng Anh thơ của mình với ông bạn họa sĩ người Anh William Rothenstein (1872-1945) ở Luân Đôn (sau này Rothenstein trở thành Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nghệ thuật Hoàng gia). Chiếc vali da đựng bản thảo các bản dịch và giao cho con trai của Tagore là Rathindranath (1888-1961) được phát hiện bị thất lạc. Vợ và chạy đến phòng

hành lý thất lạc trên xe điện ngầm của Anh, Rathindranath cố gắng tìm lại hành lý mà anh đã để quên trên tàu do sơ suất khi xuống ở bến tàu điện ngầm Charing Cross. Anh viết trong tự truyện của mình: “Tôi thường tự hỏi diễn biến câu chuyện sẽ đi đến đâu nếu bản thảo Gitanjali bị mất do sự cẩu thả của tôi.” Ngày 1 tháng 11 năm 1912 các bản dịch tìm thấy đã được Hội Ấn Độ ở Luân Đôn xuất bản dưới dạng sách Gitanjali (Thơ truyện) với lời giới thiệu của nhà thơ người Anh W.B. Yeats (1865-1939).

Năm 1910, Tagore xuất bản một cuốn sách các bài thơ tiếng Bengal có tựa đề Gitanjali. Lúc đó ông đã khẳng định được vị thế của mình với tư cách là nhà thơ; người viết ký sự, người viết tiểu thuyết, truyện

VĂN HÓA - NGHỆ THUẬT

ngắn, người sáng tác rất nhiều bài ca, và nhà giáo dục độc đáo với một trường thực nghiệm cho trẻ em ở Santiniketan. Ông đã trải qua những bi kịch cá nhân vào lúc cuốn *Gitanjali* được xuất bản. Chỉ trong một thời gian ngắn (32 năm) Tagore mất đi người mẹ Sarada Devi (1875), người chị dâu yêu quý Kadambari (1884), người vợ Mrinalini (1902), con gái thứ hai Renuka (1903), người cha Debendranath (1905) và người con trai út Samindranath (1907). Trải nghiệm với những mất mát khiến cảm xúc của ông tinh tế hơn và thúc đẩy ông chiêm nghiệm cuộc sống trong những thực tế tương phản của nó với niềm vui và điều kỳ diệu.

Đầu năm 1912, Tagore ốm nặng. Hủy bỏ chuyến đi đến Anh theo kế hoạch, ông về nhà của tổ tiên ở Silaidah (bây giờ là ở Bangladesh) bên bờ sông Padma để thay đổi không khí; ở đó ông dịch một số bài thơ từ nguyên bản tiếng Bengal. Sau khi hồi phục, ông đi tàu sang Anh vào tháng 5 năm 1912, không có mục đích gì đặc biệt, chỉ như một nhà thơ đi du lịch, chủ yếu là nghe theo lời khuyên của bác sĩ. Trong chuyến đi biển dài ngày tới nước Anh, ông tiếp tục thử nghiệm với các bản dịch. Ông mong muốn được kết nối một chân trời xa và rộng hơn. Trước 1912, Tagore chỉ dịch một số bài thơ của mình.

William Rothenstein, người biết Tagore từ khi ông đến Ấn Độ năm 1910-1911, đã giới thiệu Tagore và thơ ca của ông cho những người bạn nổi tiếng của mình như W.B. Yeats, Thomas Sturge Moore (1870-1944), Ernest Rhys (1859-1946), Ezra Pound (1885-1972), May Sinclair (hay Mary Amelia St. Clair, 1863-1946), Stopford Brooke (1832-1916) và nhiều người khác. Ngay lập tức, họ bị lôi cuốn bởi cách nhìn uyên bác và nét đẹp tráng lệ, hoa mỹ trong thơ của Tagore. Yeats đã gợi ý một số thay đổi nhỏ trong bản dịch văn xuôi những bài ca *Gitanjali*. Nói về sức hấp dẫn của *Gitanjali*, Yeats viết trong lời giới thiệu của mình:

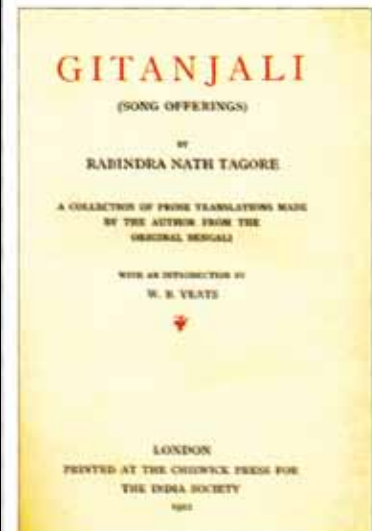
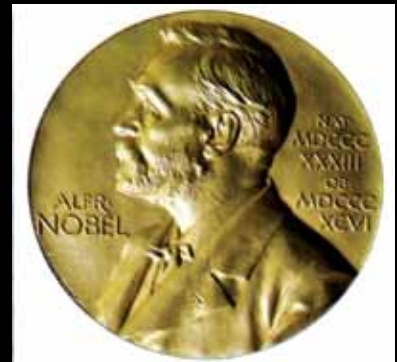
“... Những bản dịch văn xuôi đã làm tôi sôi động hẳn lên – một điều chưa từng xảy ra trong nhiều năm nay... Tôi mang theo bản thảo dịch đó trong nhiều ngày, đọc nó trên tàu hỏa, trên xe buýt, trong nhà hàng, và tôi thường phải gấp bản thảo lại vì sợ rằng

người lạ mặt nào đó sẽ thấy nó làm tôi xúc động như thế nào.”

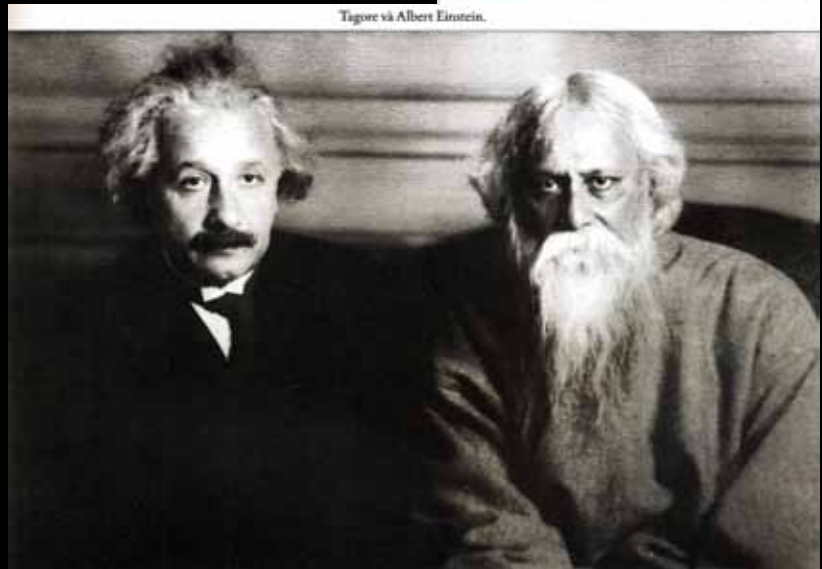
Cuốn *Gitanjali* tiếng Bengal có 183 bài thơ, còn bản dịch tiếng Anh có 103 bài tuyển chọn từ 10 hợp tuyển đã xuất bản trước đây, trong đó có 53 bài từ hợp tuyển trùng tên với tiếng Bengal. Nhờ nỗ lực của Rothenstein mà Hội Ấn Độ ở Luân Đôn đã xuất bản một tuyển tập bản dịch này. Số lượng in hạn chế chỉ có 750 bản, trong đó có 250 bản để bán. Cuốn sách được hưởng ứng nhiệt tình ở Anh và Nhà xuất bản Macmillan ở Luân Đôn không bỏ lỡ cơ hội mua bản quyền, sau đó tái bản cuốn sách tới 10 lần trong vòng 9 tháng, từ tháng 3 đến tháng 11 năm 1913. Trong khi cuốn *Gitanjali* tiếng Bengal không có lời đề tặng nào, thì Tagore đã đề tặng Rothenstein trong hợp tuyển những bài thơ bằng tiếng Anh đầu tiên của mình như là biểu hiện của tình bạn kéo dài đến tận khi nhà thơ mất năm 1941.

Tagore rời nước Anh tháng 10 năm 1912 để đến Mỹ trước khi cuốn *Gitanjali* bằng tiếng Anh được xuất bản, và trở về Ấn Độ tháng 9 năm 1913. Ezra Pound và Harriet Monroe (1860-1936) chủ động xuất bản 6 bài thơ của Tagore trong tạp chí Poetry (Thi phẩm) danh tiếng của Mỹ với lời ghi chú của Pound vào tháng 12 năm 1912. *Gitanjali* đã nhận được những bài phê bình tuyệt vời trên một số báo và tạp chí văn học hàng đầu như The Times Literary Supplement, Manchester Guardian, The Nation, v.v. ngay sau khi được xuất bản.

Nhà văn học Anh Thomas Sturge Moore,



Tagore và Albert Einstein.





với tư cách cá nhân là một thành viên trong Hội Văn học Hoàng gia Vương Quốc Anh, đã tiến cử Rabindranath Tagore cho giải thưởng Nobel Văn học của Viện Hàn lâm Thụy Điển trong khi 97 thành viên khác của Hội tiến cử nhà văn viết tiểu thuyết Thomas Hardy, ban đầu việc đề cử Tagore bị Chủ tịch Viện Hàn lâm Harald Hjarne phản đối kịch liệt. Nhưng các thành viên khác của Viện như Per Hallstorm, Esais Henrik Vilhelm Tenger (người biết tiếng Bengal) và Carl Gustaf Verner von Heidenstam, đã biết đến tài năng văn chương của Tagore nên hết lòng ủng hộ việc đề cử ông. Cuối cùng, tên của Tagore được chọn cho giải thưởng từ 28 đề cử “bởi vì bằng những vần thơ đẹp đẽ, tươi mới, giàu cảm xúc của mình, với sự khéo léo tột bậc, ông đã khiến tư tưởng thơ ca của mình, được thể hiện bằng ngôn ngữ tiếng Anh, trở thành một phần của văn học phương Tây.”

Một bức điện từ Ủy ban Nobel đến Kolkata ngày 14 tháng 11 năm 1913 và tin này được chuyển đến Tagore ở Santiniketan qua một loạt các bức điện. Các cuốn hồi ký đều cho biết rằng, cả vùng Santiniketan vui mừng với thành quả của nhà thơ:

Trong khi một số sinh viên tranh luận rằng Tagore giành được “giải thưởng Nobel” vì thuộc giới quý tộc, còn những người khác thì cho rằng giải thưởng “Novel”

này đến với Santiniketan vì những cuốn tiểu thuyết xứng đáng mà Tagore đã viết. Trong niềm hứng khởi chưa từng có này, một buổi lễ chúc mừng hoành tráng được tổ chức vào ngày 23 tháng 11 năm 1913 ở Santiniketan do bạn ông, nhà khoa học Jagadish Chandra Bose chủ trì để tôn vinh nhà thơ. Một chuyến tàu đặc biệt chở 500 người hăm mộ từ Kolkata đến Bolpur. Tagore được đưa tới nơi gặp gỡ – ở đó ông nhận ra một số nhà phê bình, những người trước đây đã chỉ trích ông với tư cách cá nhân. Bây giờ họ lại đến đây để chúc mừng ông như một nhà thơ được nước ngoài công nhận. Bài phát biểu của Tagore có âm hưởng từ thái độ bức bối tức thời của Tagore khi trông thấy những người trước đây gièm pha ông – nó làm cho những người thực sự ngưỡng mộ ông thất vọng khi ông bày tỏ: “Tôi chỉ có thể nâng chén tôn vinh của các bạn lên miệng, tôi không thể uống nó bằng cả trái tim mình.” Qua một đêm, Tagore bị ngập trong sự chú ý và những lời ca ngợi, điều đó khiến ông viết cho Rothenstein năm 1913, “Việc này tôi tặc lưỡi khác nào với việc buộc một cái hộp thiếc vào đuôi con chó, khiến nó không thể đi lại mà không phát ra tiếng động đồng thời kéo theo đám đông đằng sau.”

Tagore không thể có mặt tại Thụy Điển để nhận giải thưởng Nobel với tư cách là người châu Á đầu tiên được trao giải

thưởng này. Bức điện ông gửi đã được đọc tại Dạ tiệc Nobel truyền thống, bức điện viết: “Tôi xin bày tỏ tới Viện Hàn lâm Thụy Điển niềm cảm kích của tôi trước tâm huyết lớn lao mà đã làm cho xa trở thành gần, làm cho người lạ trở thành người anh em.” Tấm huy chương và tấm bằng Nobel được gửi qua ngài Carmichael (1859-1926) – Thống đốc bang Bengal – và được trao lại cho nhà thơ vào lễ tôn vinh ngày 29 tháng 1 năm 1914 tại Kolkata.

Gitanjali và giải Nobel đã đưa Tagore lên vũ đài thế giới, nâng ông lên địa vị vinh quang của một Visva Kabi, Thi nhân Thế giới, người có thể ngợi ca cuộc sống vượt ra ngoài giới hạn của mọi đường biên.

“Tôi được mời tới lễ hội của thế giới này, và như thế là tôi đã được ân lành. Mắt tôi đã nhìn thấy và tai tôi đã nghe thấy” (*Gitanjali*, 16)

BÙI TUẤN (ST)

(*)Tác giả là nhà thơ kiêm họa sỹ, hiện đang thiết kế một số bảo tàng về cuộc sống và thời đại của Rabindranath Tagore cho trường Visva – Bharati.

TAM SAO THẤT BẢN

Vừa qua trong thời gian chuẩn bị kỷ niệm 121 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, VTV1 (Đài Truyền hình Việt Nam) có một video clip giới thiệu, quảng bá các hoạt động của cả nước ta hướng tới ngày này. Trong băng hình giới thiệu có nhắc lại câu nói đã rất quen thuộc của Bác, tôi nghe và nhìn trên màn hình bỗng thấy ngỡ ngàng: “Tôi chỉ có một ham muốn, ham muốn tốt bậc là làm sao cho nước nhà được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn ấm no, đồng bào ta ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành”. Nghi hoặc, tôi vội vã mở máy, vào Google thì thấy có nhiều bài trích dẫn câu này. Xem kỹ thấy các bản không hẳn đã trùng nhau (về việc đặt thêm hoặc bớt dấu phẩy trong câu), nhưng tất cả đều có một chỗ in thống nhất: “dân ta được hoàn toàn tự do” (chứ không phải là “dân ta được hoàn toàn ấm no” như của VTV1). Để chắc chắn, tôi giờ tiếp cuốn Hồ Chí Minh, Tuyển tập, tập 1 (NXB Sự thật, Hà Nội, 1980), tìm bài Trả lời các nhà báo, năm 1946 (tr. 381) thì thấy nguyên văn là: “Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tốt bậc, là làm sao cho nước ta được độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành”. Cuối bài, ban biên tập đã cẩn thận ghi thêm: “Theo đúng bài in trong sách Những lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch (NXB Sự thật, Hà Nội, 1958, tập I, tr. 72)”. Nếu thế thì đây là bản in có độ tin cậy cao. Như vậy thì từ trước đến nay, rất nhiều tài liệu, sách báo của ta, đã dẫn chưa chuẩn xác câu nói nổi tiếng trên. Tôi lại nhớ tới câu của Bác trong Thư gửi cho học sinh (1945): “Non sông

Việt Nam có trở nên tươi đẹp hay không, dân tộc Việt Nam có bước tới đài vinh quang để sánh vai với các cường quốc năm châu được hay không, chính là nhờ một phần lớn ở công học tập của các em” thì chữ “các em” đã được nhiều nơi sửa thành “các cháu”

Rồi bài thơ *Khi con tu hú* của Tố Hữu được Trung tâm Văn hóa danh nhân Việt Nam



và NXB

Giáo dục phát động bình chọn 100 bài thơ hay thế kỷ XX (NXB Giáo dục, Hà Nội, 2007) đã có khá nhiều chỗ in khác với bản được coi là chính xác (Thơ Tố Hữu, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1997): *Lúa chiêm đang chín trái cây ngọt dần* (Đúng ra phải là: *Lúa chiêm đương chín, trái cây ngọt dần*); *Vườn ươm dây tiếng ve ngân* (Đúng: *Vườn ươm dây tiếng ve ngân*); *Đôi con tu hú lộn nhào từng không* (Đúng: *Đôi con diều sáo lộn nhào từng không*); *Mà chân muốn đạp tan phòng hè ôi* (Đúng: *Mà chân muốn đạp tan phòng, hè ôi!*), v.v.

Điều đáng nói, đây là những câu nói, câu thơ của hai tác giả nổi tiếng mà mọi văn bản viết ra đều rất quen thuộc với công chúng. Chứ nếu chúng ta đọc trong tài liệu, sách báo, công trình khoa học thì mới thấy hiện tượng trích dẫn quá nhiều vấn đề. Chẳng hạn: trích dẫn

bị cắt bớt hoặc cố tình sửa đổi chỗ nội dung cho phù hợp với mạch lập luận của người viết (cố sửa sao cho có lợi cho mình, trong khi chỉ có thể sửa những lỗi chính tả rõ ràng); trích dẫn không ghi xuất xứ (lấy gì bảo đảm là đúng?); trích dẫn không thể hiện đúng tinh thần văn bản qua các định dạng (phải in đúng, in ngả, in đậm như văn bản gốc) hoặc tự ý định dạng lại nhưng không ghi lý do (nếu cố ý in khác kiểu chữ, dáng chữ để lưu ý người đọc thì phải viết “(chúng) tôi nhấn mạnh” và kí tên bên cạnh). Có khá nhiều bài báo khoa học, tác giả dẫn lại từ người khác nhưng không lại mù mờ không ghi [dẫn theo...] mà cứ ung dung ghi tên tài liệu, số trang nguyên gốc, y như là mình đọc thẳng từ tiếng nước ngoài vậy!

Trích dẫn là một trong những thao tác bình thường trong nói năng, viết lách. Nó giúp cho người nói, người viết định hướng, tạo ra sự tập trung vào vấn đề và làm tăng giá trị lập luận. Nhưng đây cũng là một kỹ năng rất cần phải quan sát, học hỏi để nội dung trích dẫn đảm bảo độ chuẩn xác và phù hợp với những quy định pháp lí (những văn bản quy phạm pháp luật đòi hỏi phải tuân thủ các quy tắc rất chặt chẽ). Dân gian có câu *tam sao thất bản* với ngụ ý “việc sao chép lại nhiều lần sẽ không còn giữ đúng nguyên bản”. Thực tế thường là thế. Song nếu ta biết cách, cẩn thận thì dù “tam sao”, “tứ sao” hay “tam tứ sao” đi chăng nữa, nội dung nguyên bản vẫn được tôn trọng, không bị thất truyền.

PVT